

Bản án số: 411/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-04-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung An

Ông Nguyễn Ngọc Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1592/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Tuấn A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 14 Đường H, Khu phố H, phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N), sinh năm 1974.

Địa chỉ: NC 28217, USA.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17/10/2018 và Bản tự khai ngày 16/11/2018, nguyên đơn là ông Phạm Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/6/2016, ông và bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 35. Thời gian đầu khi bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) còn ở Việt Nam thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, khi bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) trở về Hoa Kỳ sinh sống thì do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên mâu thuẫn về quan điểm sống. Đến năm 2017, ông và bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) gần như không liên lạc

với nhau nữa. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân đã không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông xin được ly hôn với bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N).

Về con chung: Ông khai giữa ông và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) không có con chung.

Về tài sản chung: Ông khai giữa ông và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Phạm Tuấn A không có ý kiến trình bày về nợ chung.

Theo Bản tự khai đã được Tổng Lãnh Sự Quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-phran-xi-xco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/02/2019, bị đơn là Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/6/2016, bà và ông Phạm Tuấn A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 35. Thời gian đầu khi bà còn ở Việt Nam thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, khi bà trở về Hoa Kỳ sinh sống thì do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, thường xuyên mâu thuẫn về quan điểm sống. Đến năm 2017, bà và ông Phạm Tuấn A gần như không liên lạc với nhau nữa. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân đã không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà đồng ý ly hôn với ông Phạm Tuấn A.

Về con chung: Bà khai giữa bà và ông Phạm Tuấn A không có con chung.

Về tài sản chung: Bà khai giữa bà và ông Phạm Tuấn A không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) không có ý kiến trình bày về nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Phạm Tuấn A và bị đơn là Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 17/10/2018, ông Phạm Tuấn A có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho ông Phạm Tuấn A được ly hôn với Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N). Do Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Phạm Tuấn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là ông Phạm Tuấn A có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/04/2019, đồng thời bị đơn là Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N) cũng yêu cầu xin được xét xử vắng mặt theo Bản tự khai đã được Tổng Lãnh Sự Quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-phran-xi-xco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/02/2019, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N) có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 16/11/2018 của ông Phạm Tuấn A và Bản tự khai đã được Tổng Lãnh Sự Quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-phran-xi-xco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19/02/2019 của Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N), hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N) đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Tuấn A xin được ly hôn với Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N).

Về con chung: Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N) đều khai không có con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N) đều khai không có tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyen Thi Ngoc N) đều không có ý kiến trình bày về nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Tuấn A là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Phạm Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Tuấn A như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 27/06/2016 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung:

Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) đều khai không có con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) đều khai không có tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

Ông Phạm Tuấn A và Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) đều không có ý kiến trình bày về nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Tuấn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Phạm Tuấn A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0045540 ngày 31/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Tuấn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Phạm Tuấn A là 15 ngày, kể từ ngày ông Phạm Tuấn A được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ tại ấp C, xã P, huyện N, tỉnh D nhận bản án thay Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với Bà Nguyen Ngoc N (Nguyễn Thị Ngọc N) là 01 tháng, kể từ ngày bà Nguyễn Thị T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận H, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh